

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-ST

Ngày: 16-11-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản giữa Công ty Tài chính

Trách nhiệm Hữu hạn Một
thành viên Q T V N JACCS
(JIVF) với ông N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhựt Thảo

Ông Phan Văn Dân

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021; Quyết định Hoãn phiên tòa số 134/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2021; Quyết định Hoãn phiên tòa số 146/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021; Quyết định Hoãn phiên tòa số 151/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2021 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 156/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF)

Địa chỉ: Lầu 15, Tòa nhà Ct, Số 72 – 74, đường N T M K, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y T, sinh ngày 03-10-1966

Nơi cư trú: Phòng số 3909, Sedona Suites H C M City, số 67, đường L L, phường B N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 0309985680 đăng ký lần đầu ngày 02-6-2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06-3-2019 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đ V T, sinh ngày 26-4-1987 – Chức vụ: Nhân viên quản lý công nợ – JIVF (có mặt)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 0309985680 đăng ký lần đầu ngày 02-6-2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06-3-2019 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền số 14/2020/UQ-JIVF ngày 06-10-2020 giữa ông Y T với ông A T của Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS; Giấy ủy quyền số 25/2020/UQLM-JIVF ngày 06-4-2021 giữa ông A T với ông Đ V T của Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS.

2. Bị đơn: Ông N L H N, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tô 7, ấp A H, xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17-02-2021, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông A T đã trình bày:

Vào ngày 05-12-2019, Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) và ông N L H N có xác lập Hợp đồng cho vay tiêu dùng số hợp đồng 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019 có nội dung:

Số tiền vay: 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng)

Lãi suất cho vay: 4,1772%/tháng

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn vay: 15 tháng

Kỳ hạn trả nợ theo tháng

Số tiền thanh toán mỗi kỳ là 3.460.248đ, riêng số tiền thanh toán kỳ cuối cùng là 2.691.239đ

Ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên: 31-12-2019

Ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối cùng: 28-02-2021

Mục đích vay: Mua xe mô tô nhãn hiệu: HONDA IMPORT, chủng loại: Vario, Model: VARIO 150/2019, màu nâu, Mã số: MH1KF4115KK783064/KF41E-1785853 của cửa hàng: K C Giá Trị 2M, địa chỉ: Quốc lộ 91, ấp B P 1, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 31-12-2019 đến ngày 17-7-2020, ông N đã thanh toán được 24.312.127đ. Từ sau ngày 17-7-2020, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và cố tình lẩn tránh.

Tính đến ngày 17-02-2021, ông N L H N còn nợ Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) như sau:

Vốn gốc: 22.710.066đ

Lãi trong hạn: 7.288.695đ

Lãi quá hạn: 1.298.773đ

Tổng cộng: 31.297.534đ

Nay Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét:

1/ Buộc ông N L H N có nghĩa vụ trả lại Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) tổng nợ gốc và lãi là 31.297.534đ (tạm tính đến ngày 17-02-2021).

2/ Buộc ông N L H N phải thanh toán phần tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo Hợp đồng cho vay tiêu dùng số hợp đồng 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019 cho đến khi tất toán khoản nợ vay.

Tại Bản tự khai ngày 16-11-2021 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đ V T trình bày:

Vào ngày 05-12-2019, Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) và ông N L H N có xác lập Hợp đồng cho vay tiêu dùng số hợp đồng 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019 có nội dung:

Số tiền vay: 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng)

Lãi suất cho vay: 4,1772%/tháng

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn vay: 15 tháng

Kỳ hạn trả nợ theo tháng

Số tiền thanh toán mỗi kỳ là 3.460.248đ, riêng số tiền thanh toán kỳ cuối cùng là 2.691.239đ

Ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên: 31-12-2019

Ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối cùng: 28-02-2021

Mục đích vay: Mua xe mô tô nhãn hiệu: HONDA IMPORT, chủng loại: Vario, Model: VARIO 150/2019, màu nâu, Mã số: MH1KF4115KK783064/KF41E-1785853 của cửa hàng: K C Giá Trị 2M, địa chỉ: Quốc lộ 91, ấp B P 1, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang.

Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) có giữ bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 059663, biển số 67C – 687.92, đứng tên N L H N, địa chỉ: 1494/AH, A H, A H, C T; nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Nâu đen, số máy: KF41E1785853, số khung: 4115KK783064, số loại: VARIO 150, dung tích: 149 cm³, Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày (không rõ) tháng 12 năm 2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 31-12-2019 đến ngày 17-7-2020, ông N đã thanh toán được 24.312.127đ. Từ sau ngày 17-7-2020, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và cố tình lẩn tránh.

Tính đến ngày 28-7-2021, ông N L H N còn nợ Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) như sau:

Vốn gốc: 22.710.066đ

Lãi trong hạn: 12.310.038đ

Lãi quá hạn: 3.765.952đ

Tổng cộng: 38.786.056đ

Nay Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét:

1/ Buộc ông N L H N có nghĩa vụ trả lại Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) tổng nợ gốc và lãi là 38.786.056đ (tạm tính đến ngày 28-7-2021).

2/ Xin rút lại yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng kể từ ngày 29-7-2021. Do dịch bệnh đời sống kinh tế người dân đang gặp khó khăn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, trong đó có lần tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông N L H N, nhưng ông N vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 02-6-2021 và ngày 19-6-2021 Tòa án đến nhà ông N để ghi lời khai, nhưng ông N vắng mặt tại nhà. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn vốn vay và tiền lãi còn nợ tính đến ngày 28-7-2021 là 38.786.056đ. Đình chỉ một phần yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng kể từ ngày 29-7-2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn ông N L H N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đối chiếu quy định của pháp luật tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ Hợp đồng cho vay tiêu dùng số hợp đồng 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019, do nguyên đơn cung cấp. Ngày 17-02-2021, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Điều 429 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*:

Căn cứ Giấy phép Thành lập và hoạt động Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS số 80/GP-NHNN ngày 25-7-2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Hợp đồng cho vay tiêu dùng số hợp đồng 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019;

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 17-02-2021;

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận:

Vào ngày 05-12-2019, Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) và ông N L H N có xác lập Hợp đồng cho vay tiêu dùng số hợp đồng 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019 có nội dung:

Số tiền vay: 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng)

Lãi suất cho vay: 4,1772%/tháng

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Thời hạn vay: 15 tháng

Kỳ hạn trả nợ theo tháng

Số tiền thanh toán mỗi kỳ là 3.460.248đ, riêng số tiền thanh toán kỳ cuối cùng là 2.691.239đ

Ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên: 31-12-2019

Ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối cùng: 28-02-2021

Mục đích vay: Mua xe mô tô nhãn hiệu: HONDA IMPORT, chủng loại: Vario, Model: VARIO 150/2019, màu nâu, Mã số: MH1KF4115KK783064/KF41E-1785853 của cửa hàng: K C Giá Trị 2M, địa chỉ: Quốc lộ 91, ấp B P 1, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N đã thanh toán được 24.312.127đ từ ngày 31-12-2019 đến ngày 17-7-2020. Sau đó thì không thực hiện việc trả nợ. Ông N không thực hiện nghĩa vụ trả lại vốn vay cũng như trả

lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng cho vay tiêu dùng đã ký dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng cho vay tiêu dùng số hợp đồng 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 17 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với việc trả nợ gốc và lãi: Do hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, nguyên đơn đã giao đủ tiền, khi đến hạn thanh toán, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại một lần vốn vay còn nợ là 22.710.066đ, tiền lãi trong hạn là 12.310.038đ và tiền lãi quá hạn là 3.765.952đ, tổng cộng là 38.786.056đ (tính đến ngày 28-7-2021).

Xét quan hệ tranh chấp trên, bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là thực hiện việc trả lại vốn vay và trả lãi khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468 và 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19-6-1997; Điều 1 của Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Các Điều 10, 11, 12, 13, 16, 17, 24 và 25 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại một lần vốn vay còn nợ và tiền lãi là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đ V T xin rút lại yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019 kể từ ngày 29-7-2021. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019 kể từ ngày 29-7-2021.

Hiện nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) đang giữ bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 059663, biên số 67C – 687.92, đứng tên N L H N, địa chỉ: 1494/AH, A H, A H, C T; nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Nâu đen, số

máy: KF41E1785853, số khung: 4115KK783064, số loại: VARIO 150, dung tích: 149 cm³, Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày (không rõ) tháng 12 năm 2019. Nguyên đơn và bị đơn không xác lập hợp đồng thế chấp tài sản. Do đó, buộc nguyên đơn trả lại bị đơn bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 059663, biển số 67C – 687.92, đứng tên N L H N.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn số tiền 38.786.056đ nên bị đơn phải chịu 1.939.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) có người đại diện hợp pháp là ông Đ V T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16-11-2021;

Bị đơn ông N L H N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 429, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 và Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19-6-1997;

Điều 1 của Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Các Điều 10, 11, 12, 13, 16, 17, 24 và 25 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số

1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF).

[2] Buộc bị đơn ông N L H N phải trả cho nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) như sau: Nợ gốc là 22.710.066đ, tiền lãi trong hạn là 12.310.038đ và tiền lãi quá hạn là 3.765.952đ, tổng cộng là 38.786.056đ (ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn không trăm năm mươi sáu đồng) (chỉ tính đến ngày 28-7-2021).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp 57520000004224000, số CIF 230250424 ngày 05-12-2019 của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) đối với bị đơn ông N L H N kể từ ngày 29-7-2021.

[5] Buộc nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) trả lại cho bị đơn ông N L H N bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 059663, biển số 67C – 687.92, đứng tên N L H N, địa chỉ: 1494/AH, A H, A H, C T; nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Nâu đen, số máy: KF41E1785853, số khung: 4115KK783064, số loại: VARIO 150, dung tích: 149 cm³, Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày (không rõ) tháng 12 năm 2019.

[6] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) 782.000đ (bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007324 ngày 12-4-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông N L H N phải chịu 1.939.000đ (một triệu chín trăm ba mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q T V N JACCS (JIVF) có người đại diện hợp pháp là ông Đ V T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16-11-2021;

Bị đơn ông N L H N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà